

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: **12/2020/HS-ST.**

Ngày: 09-7-2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Duyên.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đỗ Văn Trí.

2. Ông Trần Hạnh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Huỳnh Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Thanh Nhuận - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HS, ngày 11 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Dương Văn T**, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1984, tại tỉnh Phú Yên; Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Khu phố X, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương V, sinh năm 1947 và bà Văn Thị S, sinh năm 1949; vợ: Nguyễn Thị Thu V2, sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; anh, chị, em ruột: có 07 người, bị cáo là con thứ 6; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

\* ***Bị hại:*** vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978; Cùng cư trú tại: Khu phố X, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (ông Đ có mặt, bà C có đơn xin vắng mặt).

\* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

- Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1970; Nơi cư trú: thôn P1, xã N, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (có đơn xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thu V2, sinh năm 1988; Nơi cư trú: khu phố 3, phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (có mặt).

*\* Người làm chứng:*

- Cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 2004 (vắng mặt).

- Cháu Nguyễn Đình T2, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Cháu T1, cháu T2 cùng trú tại: khu phố X, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

- Ông Võ Xuân T3, sinh năm 1974; Nơi cư trú: khu phố Y, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thành Đ2, sinh năm 1968; Nơi cư trú: khu phố X, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

- Ông Cao Tấn H3, sinh năm 1978; Nơi cư trú: khu phố Z, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 05 giờ ngày 03/3/2020, Dương Văn T thấy vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Kim C (ở gần nhà T) đi vắng, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đột nhập vào nhà ông Đ1, bà C. Sau khi đột nhập, T mở tủ quần áo lấy trộm số tiền 170.000.000đ đựng trong bì (bọc) ni lông. T mở ra kiểm tra thì nghe Nguyễn Thị Kim T1 (con gái ông Đ1, bà C) hỏi “ba phải không”, nên T chạy về nhà cất giấu số tiền trộm cắp được vào bộ lọc âm thanh. Ngày 07/3/2020, T lấy 8.700.000đ tiêu xài (mua phụ tùng máy cưa và xăng), cho bà Nguyễn Thị Thu H2 mượn 25.000.000đ (chị vợ T). Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, T thấy ân hận vì nghĩ vợ chồng ông Đ1 thường giúp đỡ cho T mượn tiền làm ăn nên có ý định trả lại một phần tiền đã trộm cắp cho ông Đ1 bằng cách T cho tiền vào 02 bọc ni lông (01 bọc 30.000.000đ, 01 bọc 72.000.000đ). Khoảng 03 giờ ngày 09/3/2020, T đem bọc ni lông đựng số tiền 30.000.000đ đến dỡ gói ném vào nhà ông Đ1, bọc còn lại đựng số tiền 72.000.000đ bỏ ở đám cỏ phía trước nhà T. Khoảng 07 giờ cùng ngày, T đến nhà ông Đ1 bảo ông Đ1 tìm lại số tiền bị mất trong nhà, ông Đ1 bảo con trai Nguyễn Đình T2 kiểm tra trong phòng thấy bọc ni lông đựng số tiền 30.000.000đ, T đến đám cỏ lấy bọc ni lông đựng số tiền 72.000.000đ đưa cho ông Võ Xuân T3 để đưa lại cho ông Đ1, số tiền còn lại 34.300.000đ T giữ lại. Thấy T có biểu hiện nghi vấn nên ông Đ1 báo cáo sự việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa (nay là thị

xã). Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị hại đã nhận lại đủ số tiền 170.000.000 đồng đã bị trộm cắp và có đơn xin bãi nại.

Vật chứng vụ án: số tiền 161.300.000 đồng cơ quan CSĐT Công an thị xã Đông Hòa đã trả lại cho vợ chồng ông Đ1, bà C.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKSĐH ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa truy tố Dương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

#### **Tại phiên tòa:**

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố là đúng tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên truy tố theo Cáo trạng số: 17/CT-VKSĐH ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Vật chứng vụ án: không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền còn lại 8.700.000 đồng, khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại; người bị hại đã nhận đủ tiền bị trộm cắp, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đông Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với việc vắng mặt của bị hại Nguyễn Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H2 đã có lời khai làm rõ về số tiền trộm cắp, không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vắng mặt.

[3] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người

làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 05 giờ ngày 03/3/2020, Dương Văn T thấy vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Kim C (ở gần nhà T) đi vắng, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đột nhập vào nhà ông Đ1, bà C. Sau khi đột nhập, T mở tủ quần áo lấy trộm số tiền 170.000.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của vợ chồng ông Đ1, bà C được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra, bản thân bị cáo nhận thức được việc lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lòng tham, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Dương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới đến quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu mà pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, số tiền trộm cắp tương đối lớn, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục trực tiếp đối với bị cáo, đồng thời còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn, nghề nghiệp và mức thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.2] Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả trả lại toàn bộ số tiền trộm cắp cho bị hại; sau khi biết được số tiền trộm cắp tương đối lớn bị cáo đã ăn năn, hối cải, đã chủ động khắc phục một phần trả cho bị hại trước khi sự việc được điều tra, xử lý; bị cáo phạm tội lần đầu và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và hậu quả của bị cáo gây ra, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Kim C đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp 170.000.000đ, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[8] Đối với hành vi của Nguyễn Thị Thu H2 và Nguyễn Thị Thu V2: không bàn bạc, không biết hành vi phạm tội và không biết số tiền mà bị cáo T trộm cắp, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã Đông Hòa không xử lý truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo **Dương Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: bị cáo **Dương Văn T 18 (mười tám) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại Nguyễn Văn Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại bà Nguyễn Thị Kim C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã, Tỉnh;
- Công an thị xã Đông Hoà;
- THADS thị xã Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hữu Duyên**